

TỜ TRÌNH

Về việc dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025,
huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Thanh Trị.

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 5743/BKHĐT-TH ngày 14/8/2019 về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 3560/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2020, tỉnh Sóc Trăng (đợt 2) cho huyện Thanh Trị;

Căn cứ Quyết định số 3881/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện Thanh Trị;

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 của HĐND huyện Thanh Trị về việc dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025, huyện Thanh Trị;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 19/01/2022 của HĐND huyện Thanh Trị về việc dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng;

Xét khả năng nguồn vốn và nhu cầu cần thiết đầu tư xây dựng ở các lĩnh vực trên địa bàn huyện; Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết định về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện, cụ thể như sau:

* Dự kiến Nguồn vốn đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn (2021-2025) do huyện phân bổ: 499.103 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn vốn phân cấp ngân sách huyện: 133.063 triệu đồng;
- Vốn kế dư ngân sách huyện: 17.537 triệu đồng.
- Nguồn tiết kiệm chi năm 2021: 4.189 triệu đồng.
- Vốn thu từ xử lý nhà đất công trên địa bàn huyện: 15.318 triệu đồng.
- Vốn tỉnh trợ cấp có mục tiêu từ nguồn xổ số kiến thiết: 181.160 triệu đồng.
- Vốn tỉnh trợ cấp có mục tiêu từ nguồn cân đối ngân sách địa phương và thu tiền sử dụng đất: 44.000 triệu đồng.

- Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 30.100 triệu đồng.
- Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 50.000 triệu đồng.
- Vốn tỉnh trợ cấp có mục tiêu cho ngân sách huyện từ nguồn kinh phí tiết kiệm chi năm 2020 chưa sử dụng chuyển nguồn sang năm 2021: 8.495 triệu đồng.
- Vốn tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện từ nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2020 từ kết dư năm 2019 (Thu tiền sử dụng đất từ năm 2017 trở về trước): 601 triệu đồng.
- Vốn tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện từ nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2020: 14.640 triệu đồng.

(Kèm theo phụ lục)

Kính đề nghị Hội đồng nhân dân huyện khóa XI, nhiệm kỳ 2021-2026 xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV Huyện ủy;
- TT HĐND, UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Thành viên UBND;
- Lưu VT, TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lương Vũ Phương





**TỔNG HỢP DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN
2021-2025**

(Kèm theo Tờ trình số: 450/TTr-UBND ngày 15/6/2022 của Ủy ban nhân dân
huyện Thạnh Trị)

Stt	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025 (vốn trong nước)	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	461.959	499.103	
1	Phân cấp ngân sách huyện	117.340	133.063	
	Trong đó:			
	- Cân đối ngân sách địa phương	110.380	124.063	
	- Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	6.960	9.000	
2	Vốn kết dư ngân sách huyện	23.774	17.537	
3	Nguồn tiết kiệm chi năm 2021		4.189	
4	Vốn thu từ xử lý nhà đất công trên địa bàn huyện		15.318	
5	Vốn tỉnh trợ cấp có mục tiêu từ nguồn xổ số kiến thiết	204.588	181.160	
6	Vốn tỉnh trợ cấp có mục tiêu từ nguồn cân đối ngân sách địa phương và thu tiền sử dụng đất:	34.286	44.000	
7	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:	53.307	30.100	
8	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	28.664	50.000	
9	Vốn tỉnh trợ cấp có mục tiêu cho ngân sách huyện từ nguồn kinh phí tiết kiệm chi năm 2020 chưa sử dụng chuyển nguồn sang năm 2021		8.495	
10	Vốn tỉnh trợ cấp có mục tiêu cho ngân sách huyện từ nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2020 từ kết dư năm 2019 (thu tiền sử dụng đất từ năm 2017 trở về trước)		601	
11	Vốn tỉnh trợ cấp có mục tiêu cho ngân sách huyện từ nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2020		14.640	

CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025, VỐN PHÂN CẤP NGÂN SÁCH HUYỆN

(Kèm theo Tờ trình số: 1160/TTr-UBND ngày 15/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện
Thanh Trì)

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025		Ghi chú
			Số quyết định, ngày tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
				Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
	Tổng số			151.455	151.455	133.063	133.063	
*	Nguồn cân đối ngân sách huyện			142.455	142.455	124.063	124.063	
I	Kế hoạch năm 2021			40.401	40.401	22.009	22.009	
1	Lộ cống sau nhà ông Thống, ấp 1	thị trấn Phú Lộc	860/QĐ-UBND, ngày 27/11/2020	573	573	537	537	
2	Lộ Ông Cuội nối tiếp (ấp Thạnh Điền)	thị trấn Phú Lộc	862/QĐ-UBND, ngày 27/11/2020	177	177	161	161	
3	Lộ từ nhà Liêu Sơn đến nhà Thạch Thị Xoàn	thị trấn Hưng Lợi	849/QĐ-UBND, ngày 17/11/2020	881	881	826	826	
4	Cầu Trụ sở ấp Tràm Kiến	xã Châu Hưng	847/QĐ-UBND, ngày 17/11/2020	1.012	1.012	962	962	
5	Lộ Ông Đàn - ông Bắc	xã Vĩnh Thành	865/QĐ-UBND, ngày 27/11/2020	1.167	1.167	1.121	1.121	
6	Lộ từ nhà Út nghĩa đến nhà ông Bảy Cười	xã Thạnh Trị	875/QĐ-UBND, ngày 27/11/2020	1.340	1.340	1.152	1.152	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025		Ghi chú
			Số quyết định, ngày tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
				Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
7	Lộ Rạch Chóc	xã Tuân Tức	844/QĐ-UBND, ngày 17/11/2020	1.061	1.061	985	985	
8	Lộ Tân Lộc - Kiệt Nhất B (nhà ông Khuê)	xã Lâm Tân	851/QĐ-UBND, ngày 17/11/2020	952	952	880	880	
9	Lộ từ cống Kiệt Lợi số 09 đến cống Kiệt Lợi số 10	xã Lâm Kiệt	861/QĐ-UBND, ngày 27/11/2020	650	650	638	638	
10	Lộ từ cống Kiệt Lợi số 10 đến giáp Lâm Tân	xã Lâm Kiệt	843/QĐ-UBND, ngày 17/11/2020	646	646	636	636	
11	Nhà SHCĐ ấp Kinh Ngay 1	thị trấn Hưng Lợi	863/QĐ-UBND, ngày 27/11/2020	329	329	317	317	
12	Hội trường UBND xã Vĩnh Lợi	xã Vĩnh Lợi	871/QĐ-UBND, ngày 27/11/2020	2.500	2.500	2.500	2.500	
13	SLMB khu hành chính UBND huyện, huyện Thạnh Trị	thị trấn Phú Lộc	872/QĐ-UBND, ngày 27/11/2020	1.000	1.000	992	992	
14	Kho lưu trữ UBND huyện, huyện Thạnh Trị	thị trấn Phú Lộc	873/QĐ-UBND, ngày 27/11/2020	2.000	2.000	2.000	2.000	
15	SLMB Trụ sở Đảng ủy, UBND xã Vĩnh Thành	xã Vĩnh Thành	845/QĐ-UBND, ngày 17/11/2020	1.148	1.148	1.072	1.072	
16	SLMB Trụ sở Đảng ủy, UBND xã Lâm Kiệt	xã Lâm Kiệt	850/QĐ-UBND, ngày 17/11/2020	1.112	1.112	1.102	1.102	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025		Ghi chú
			Số quyết định, ngày tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
				Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
17	Trụ sở UBND xã Thanh Tân	xã Thanh Tân	752/QĐ-UBND, ngày 30/10/2020	6.266	6.266	266	266	
18	Trụ sở UBND xã Tuấn Túc	xã Tuấn Túc	755/QĐ-UBND, ngày 30/10/2020	6.367	6.367	367	367	
19	Trụ sở Đảng ủy, UBND thị trấn Phú Lộc	thị trấn Phú Lộc	754/QĐ-UBND, ngày 30/10/2020	6.408	6.408	408	408	
20	Xây dựng rãnh thoát nước, vỉa hè đường Trần Văn bảy	thị trấn Phú Lộc	868/QĐ-UBND, ngày 27/11/2020	3.814	3.814	3.814	3.814	
21	Hàng rào phòng Nông nghiệp & PTNT huyện, huyện Thanh Trì	thị trấn Phú Lộc	874/QĐ-UBND, ngày 27/11/2020	500	500	996	996	
22	Cầu nhà ông Lâm Kel - lộ Xóm Tro 1	thị trấn Hưng Lợi	866/QĐ-UBND ngày 27/11/2020	498	498	277	277	
II	Kế hoạch năm 2022			22.009	22.009	22.009	22.009	
23	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng 05 ấp: ấp 3, ấp Nàng Rền; ấp Rẫy Mới; Công Điền; Bào Lớn	TT Phú Lộc		1.873	1.873	1.873	1.873	
23.1	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Nàng Rền, Bào Lớn	TT Phú Lộc		813	813	813	813	
23.2	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp 3, Rẫy Mới, Công Điền	TT Phú Lộc		1.060	1.060	1.060	1.060	
24	Via hè khu vực ấp 3	TT Phú Lộc		890	890	890	890	
25	Nâng cấp hẻm 8	TT Phú Lộc		1.736	1.736	1.736	1.736	
26	Lộ Bào Cát - Quang Vinh (làm mới đoạn còn lại từ nhà ông Quang - nhà ông Luôn)	TT Hưng Lợi		2.023	2.023	2.023	2.023	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025		Ghi chú
			Số quyết định, ngày tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
				Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
27	Đường lộ 13-23 (Nối tiếp)	xã Châu Hưng		1.907	1.907	1.907	1.907	
28	Lộ nhà ông Đàn - ông Ngoan - ông Ty	xã Vĩnh Thành		2.126	2.126	2.126	2.126	
29	Cầu Mây Dóc	xã Thạnh Trị		2.352	2.352	2.352	2.352	
30	Lộ Cầu Trắng - Lâm Trường	xã Thạnh Tân		680	680	680	680	
31	Cầu Lý Bươl (nối tiếp cầu chùa đến Sông Lớn)	xã Thuận Túc		2.332	2.332	2.332	2.332	
32	Lộ Mương Điều (Cầu 8 Ta - nhà ông Vọng)	xã Lâm Tân		2.043	2.043	2.043	2.043	
33	Lộ Kiệt Thắng- Kiệt Thống	xã Lâm Kiệt		2.310	2.310	2.310	2.310	
34	Nâng cấp đường Trần Phú	thị trấn Phú Lộc		877	877	877	877	02 nguồn vốn
35	Nâng cấp đường dẫn từ Quốc lộ 1A vào công viên	thị trấn Phú Lộc		860	860	860	860	
III	Kế hoạch 2023-2025			80.045	80.045	80.045	80.045	
36	Lộ tuyến kênh KT13, từ Trần Văn Bảy đến hộ Nguyễn Thanh Hùng	TT Phú Lộc		500	500	500	500	
37	Lộ Kênh Ba Sơn nối tiếp	xã Thạnh Tân		2.250	2.250	2.250	2.250	
38	Lộ cầu Bào Lớn (phía bên sông)	TT Phú Lộc		1.400	1.400	1.400	1.400	
39	Xây dựng cầu bê tông tuyến kênh Thạnh Điền - Bào Lớn (thay cầu treo)	TT Phú Lộc		1.350	1.350	1.350	1.350	
40	Lộ Phú Tân (làm mới bên trái từ chùa Ông Bồn đến giáp ranh Thuận Túc)	TT Phú Lộc		2.250	2.250	2.250	2.250	
41	Lộ hẻm 13 ấp Xa Mau 1 (lộ 1,5m, cống 0,5m)	TT Phú Lộc		1.020	1.020	1.020	1.020	
42	Lộ Phú Tân mở rộng (cấp sông bên phải giáp Thuận Túc)	TT Phú Lộc		3.780	3.780	3.780	3.780	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025		Ghi chú
			Số quyết định, ngày tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
				Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
43	Lộ Bào Lớn (làm mới nối tiếp lộ nhà 4 Đẹp)	TT Phú Lộc		750	750	750	750	
44	Cầu Bào Lớn (giáp ấp Chắc Đốt)	TT Phú Lộc		3.241	3.241	3.241	3.241	
45	Lộ ấp Số 8 (làm mới đoạn còn lại từ nhà ông Thạch Bịp - nhà ông Trương Thanh Phong)	TT Hưng Lợi		2.475	2.475	2.475	2.475	
46	Làm mới lộ ấp Số 8 từ nhà ông Ngô Sang - Danh Hiền (Giáp đình Số 8)	TT Hưng Lợi		2.340	2.340	2.340	2.340	
47	Làm mới lộ cặp kênh Chợ Cũ	TT Hưng Lợi		990	990	990	990	
48	Đường kênh 3 Huê đến kênh Nàng Rền	xã Châu Hưng		2.640	2.640	2.640	2.640	
49	Lộ từ nhà ông Nhơn - nhà ông Ngọ	xã Châu Hưng		3.960	3.960	3.960	3.960	
50	Lộ 10 Điều- ông Chạy, ấp 16/2	xã Vĩnh Lợi		3.150	3.150	3.150	3.150	
51	Lộ Kênh 19/5 - ông được, ấp 11	xã Vĩnh Lợi		3.630	3.630	3.630	3.630	
52	Lộ Kênh ông tà (4 Hà -2 ần), ấp 16/2	xã Vĩnh Lợi		2.700	2.700	2.700	2.700	
53	Lộ 4 có - 6 Nho, ấp 14	xã Vĩnh Lợi		1.289	1.289	1.289	1.289	
54	Lộ Trường Mẫu giáo cũ nối tiếp ấp 22	xã Vĩnh Thành		3.630	3.630	3.630	3.630	
55	Lộ từ cầu ấp 23, Vĩnh Thắng - trường Tiểu học Vĩnh Thắng	xã Vĩnh Thành		2.160	2.160	2.160	2.160	
56	Cầu Tà Niên	xã Thạnh Trị		900	900	900	900	
57	Đường ấp X2 - X7 A nối tiếp (Nhà Út Nghĩa - nhà ông 7 cười)	xã Thạnh Trị		600	600	600	600	
58	Cầu Lung Húc (bề rộng 2m)	xã Thạnh Trị		750	750	750	750	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025		Ghi chú
			Số quyết định, ngày tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
				Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
59	Đường ra trạm bơm kênh ông Chính (kênh 2 Tài)	xã Thạnh Trị		900	900	900	900	
60	Cầu Kênh Xóm Cá	xã Thạnh Trị		900	900	900	900	
61	Hàng Rào UBND xã (cao 3m)	xã Thạnh Trị		2.080	2.080	2.080	2.080	
62	Lộ Kênh 8 Phước	xã Thạnh Tân		1.650	1.650	1.650	1.650	
63	Lộ Kênh Mướp Lớn	xã Thạnh Tân		1.870	1.870	1.870	1.870	
64	Lộ 9 Sỏi	xã Thạnh Tân		825	825	825	825	
65	Làm bờ kè và nâng cấp lán sân chợ Tuấn Túc	xã Tuấn Túc		1.000	1.000	1.000	1.000	
66	Đường lộ Trung Thống - Phú Giao nối tiếp, Cầu Hai Khai dài 40m	xã Tuấn Túc		2.250	2.250	2.250	2.250	
67	Đường cấp sông ấp Trung Bình (từ kênh ông Quyết đến rạch sa keo)	xã Tuấn Túc		2.610	2.610	2.610	2.610	
68	Nâng cấp sửa chữa Nhà văn hóa ấp, nhà sinh hoạt cộng Đồng ấp: - Nhà SHCĐ ấp Trung Thống - Nhà SHCĐ ấp TrungThành - Nhà SHCĐ ấp Tân Định - Nhà SHCĐ ấp Trung Bình	xã Tuấn Túc		600	600	600	600	
69	Lộ đal Sakeo (cầu Thanh Niên - nhà Ông Lùng)	xã Lâm Tân		2.700	2.700	2.700	2.700	
70	Cầu Chợ xã	xã Lâm Tân		2.500	2.500	2.500	2.500	
71	Cầu Ông Thén (đường Sông sakeo)	xã Lâm Tân		1.200	1.200	1.200	1.200	
72	Cầu kênh 14/9 (nhà ông Chín Khải)	xã Lâm Tân		2.250	2.250	2.250	2.250	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025		Ghi chú
			Số quyết định, ngày tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
				Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
73	Lộ Kiệt Thắng- Kiệt Thống	xã Lâm Kiệt		750	750	750	750	
74	Lộ Liên ấp Kiệt Bình-Kiệt Thống	xã Lâm Kiệt		8.205	8.205	8.205	8.205	
*	Vốn thu tiền sử dụng đất			9.000	9.000	9.000	9.000	
I	Kế hoạch năm 2021			1.200	1.200	1.200	1.200	
1	Lộ 14/9 (bên sông), xã Thanh Tân	xã Thanh Tân		1.200	1.200	1.200	1.200	
II	Kế hoạch năm 2022			2.400	2.400	2.400	2.400	
1	Lộ Cầu Chùa đến Sông Lớn (nối tiếp)	xã Tuấn Túc		1.287	1.287	1.287	1.287	
2	Cầu Lộ 14/9 (bên sông)	xã Thanh Tân		990	990	990	990	
3	Nâng cấp đường Trần Phú	thị trấn Phú Lộc		123	123	123	123	02 nguồn vốn
III	Kế hoạch năm 2023-2025			5.400	5.400	5.400	5.400	
1	Mở rộng lộ Tám Dũng ấp 3	TT Phú Lộc		1.200	1.200	1.200	1.200	
2	Lộ Bình Thới	xã Châu Hưng		2.520	2.520	2.520	2.520	
3	Lộ Kim Cù - trường học Vĩnh Thắng	xã Vĩnh Thành		1.080	1.080	1.080	1.080	
4	Đường Kênh Xóm Cá B (Nhà Thầy Thảo bên sông) (bề rộng 2m)	xã Thạnh Trị		600	600	600	600	



CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025, VỐN KẾT DƯ NGÂN SÁCH HUYỆN

(Kèm theo Tờ trình số: 450/TTr-UBND ngày 15/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì)

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025		Ghi chú
			Số quyết định, ngày tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: KDNS	
				Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: KDNS			
	Tổng số			28.419	17.537	28.419	17.537	
	Trong đó:							
*	Đầu tư cơ sở hạ tầng			23.419	12.537	23.419	12.537	
1	Xây dựng cổng chào xã Tuân Tức	xã Tuân Tức		675	675	675	675	
2	Nâng cấp mở rộng Lộ Trung Thống - Tân Định; phần đường	xã Tuân Tức		7.398	50	7.398	50	
3	Lộ Trung Hòa - Trung Thống	xã Tuân Tức		3.584	50	3.584	50	
4	Hội trường UBND thị trấn Phú Lộc	thị trấn Phú Lộc	18/QĐ-UBND, ngày 29/6/2021	3.514	3.514	3.514	3.514	
5	Xây dựng Cơ sở hạ tầng huyện Thanh Trì	huyện Thanh Trì		8.248	8.248	8.248	8.248	(*)
*	Chi công tác chuẩn bị đầu tư			5.000	5.000	5.000	5.000	(**)

* Ghi chú: (*) (**) các dự án sẽ chi tiết cụ thể hàng năm khi UBND tỉnh giao kế hoạch vốn thực hiện, báo cáo HĐND tại kỳ họp gần nhất.



CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025, NGUỒN TIẾT KIỆM CHI NĂM 2021

(Kèm theo Tờ trình số: 450/TTr-UBND ngày 15/ 6 /2022 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì)

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025		Ghi chú
			Số quyết định, ngày tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	
				Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN			
	Tổng số			25.061	4.189	4.189	4.189	
	Trong đó:							
*	Đầu tư cơ sở hạ tầng			25.061	4.189	4.189	4.189	
1	Dự án Đường giao thông nông thôn xã Vĩnh Lợi	xã Vĩnh Lợi	478/QĐ-UBND, ngày 19/7/2021	14.977	977	977	977	
2	Lộ từ cổng Bưng Coi đến giáp Lâm Tân	xã Lâm Kiết		2.971	2.971	2.971	2.971	
3	Trụ sở UBND xã Lâm Kiết	xã Lâm Kiết	753/QĐ-UBND, ngày 30/10/2020	7.113	241	241	241	

CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025, VỐN TRỢ CẤP CÓ MỤC TIÊU TỪ NGUỒN VỐN XỔ SỞ KIẾN THIẾT

(Kèm theo Tờ trình số: 150/TTr-UBND ngày 15/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Trị)

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025		Ghi chú
			Số quyết định, ngày tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: XSKT	
				Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: XSKT			
	Tổng số			182.272	182.110	181.160	181.160	
1	Xây dựng phòng học Trường mầm non Hưng Lợi, Phú Lộc, Châu Hưng	TT Hưng Lợi, Phú Lộc, Châu Hưng	750/QĐ-UBND, ngày 30/10/2020	14.586	14.585	13.895	13.895	
2	Xây dựng phòng học Trường THCS Thạnh Trị, Phú Lộc, Thạnh Tân	xã Thạnh Trị, Phú Lộc, Thạnh Tân	748/QĐ-UBND, ngày 30/10/2020	14.994	14.900	14.640	14.640	
3	Trường THCS dân tộc nội trú huyện Thạnh Trị	Thị trấn Hưng Lợi	749/QĐ-UBND, 30/10/2020	14.992	14.925	14.925	14.925	
4	Xây dựng phòng học Trường Tiểu học Hưng Lợi	Thị trấn Hưng Lợi		14.900	14.900	14.900	14.900	
5	Trường Tiểu học Phú Lộc 2	TT Phú Lộc		14.000	14.000	14.000	14.000	
6	Trường Tiểu học Thạnh Tân 1	Thạnh Tân		14.000	14.000	14.000	14.000	
7	Trường Tiểu học Thạnh Tân 2, Thạnh Trị 1, Lâm Kiết	Thanh tân, Thạnh Trị, Lâm kiết		13.000	13.000	13.000	13.000	
8	Xây dựng phòng học Trường Mầm non Vĩnh Lợi, Lâm Tân, Tuân Tứ	Vĩnh Lợi, Lâm Tân, Tuân Tứ		14.900	14.900	14.900	14.900	
9	Xây dựng phòng học Trường Tiểu học Châu Hưng 1	xã châu Hưng		14.900	14.900	14.900	14.900	
10	Trường Tiểu học Phú Lộc 1			14.000	14.000	14.000	14.000	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025		Ghi chú
			Số quyết định, ngày tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: XSKT	
				Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: XSKT			
11	Trường Tiểu học Vĩnh Lợi, Thuận Túc 1	Vĩnh Lợi, Thuận Túc		9.000	9.000	9.000	9.000	
12	Trường Tiểu học Vĩnh Thành, THCS Vĩnh Thành, Lâm Tân	Vĩnh Thành, Lâm Tân		14.000	14.000	14.000	14.000	
13	Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo khoản 4 Điều 1 Nghị quyết 12/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng			15.000	15.000	15.000	15.000	(*)

* Ghi chú: (*) các dự án sẽ chi tiết cụ thể hàng năm khi UBND tỉnh giao kế hoạch vốn thực hiện, báo cáo HĐND tại kỳ họp gần nhất.



**CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NĂM GIAI ĐOẠN
2021-2025, VỐN TÌNH TRỢ CẤP CÓ MỤC TIÊU TỪ NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH
ĐỊA PHƯƠNG VÀ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

(Kèm theo Tờ trình số: 450/TTr-UBND ngày 15/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì)

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025		Ghi chú
			Số quyết định, ngày tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
				Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
	Tổng số			48.301	44.977	47.324	44.000	
1	Trụ sở UBND xã Thanh Tân	Xã Thanh Tân	752/QĐ-UBND, ngày 30/10/2020	6.272	6.000	6.272	6.000	
2	Trụ sở UBND xã Tuần Túc	Xã Tuần Túc	755/QĐ-UBND, ngày 30/10/2020	6.368	6.000	6.368	6.000	
3	Trụ sở UBND xã Vĩnh Thành	Xã Vĩnh Thành	751/QĐ-UBND, ngày 30/10/2020	7.161	6.000	7.161	6.000	
4	Trụ sở UBND xã Lâm Kiết	Xã Lâm Kiết	753/QĐ-UBND, ngày 30/10/2020	7.113	6.000	7.113	6.000	
5	Trụ sở Đảng ủy, UBND thị trấn Phú Lộc	TT Phú Lộc	754/QĐ-UBND, ngày 30/10/2020	6.410	6.000	6.410	6.000	
6	Dự án Đường giao thông nông thôn xã Vĩnh Lợi	xã Vĩnh Lợi	478/QĐ-UBND, ngày 19/7/2021	14.977	14.977	14.000	14.000	

**CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NĂM GIAI ĐOẠN
2021-2025, VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG
THÔN MỚI**

(Kèm theo Tờ trình số: 450/TTr-UBND ngày 15/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện
Thanh Trì)

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025		Ghi chú
			Số quyết định, ngày tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
				Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
	Tổng số			30.100	30.100	30.100	30.100	
1	Xây dựng công chào, trang trí	xã Châu Hưng		700	700	700	700	
2	Xây dựng mới 02 nhà văn hóa ấp	xã Châu Hưng		1.000	1.000	1.000	1.000	
3	Nâng cấp, mở rộng lộ Kênh Ngay - Xóm Tro - Tàn Dù	xã Châu Hưng		6.300	6.300	6.300	6.300	
4	Nâng cấp, mở rộng lộ Kênh Ngay 2 - Xóm Tro - Quang Vinh	xã Châu Hưng		7.000	7.000	7.000	7.000	
5	Xây dựng mới Trung tâm văn hóa xã	xã Vĩnh Lợi		7.000	7.000	7.000	7.000	
6	Xây dựng mới lộ kênh Ông Tà 4 Hà - 02 Ấn (Cầu 6 Mau - Kênh 19/5)	xã Vĩnh Lợi		2.400	2.400	2.400	2.400	
7	Nâng cấp, mở rộng lộ 15 - 14 - 11 (Cầu Trường học 14 Cầu Út Siêu Tân Biên)	xã Vĩnh Lợi		3.000	3.000	3.000	3.000	
8	Nâng cấp, mở rộng ấp 12 (Lộ 68 - Bạc Liêu)	xã Vĩnh Lợi		2.700	2.700	2.700	2.700	

**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025,
VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG GIẢM NGHÈO BỀN
VỮNG**

(Kèm theo Tờ trình số: 4150/TTr-UBND ngày 15/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện
Thanh Trì)

Stt	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025		Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
	Tổng số		50.000	50.000	50.000	50.000	Danh mục dự án cụ thể hàng năm sẽ chi tiết khi UBND tỉnh phân bổ kế hoạch vốn trợ cấp về huyện và báo cáo HĐND huyện tại kỳ họp gần nhất.

**CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NĂM GIAI ĐOẠN
2021-2025, NGUỒN TỈNH BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH HUYỆN TỪ
NGUỒN KINH PHÍ TIẾT KIỆM CHI NĂM 2020 CHƯA SỬ DỤNG CHUYỂN
NGUỒN SANG NĂM 2021**

(Kèm theo Tờ trình số: 1670/TTr-UBND ngày 15/ 6 /2022 của Ủy ban nhân dân huyện
Thanh Trì)

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025		Ghi chú
			Số quyết định, ngày tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
				Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
	Tổng số			8.495	8.495	8.495	8.495	
1	Trường Tiểu học Hưng Lợi	ấp Bào Cát, thị trấn Hưng Lợi (điểm lẻ)		3.845	3.845	3.845	3.845	
2	Trường Tiểu học Lâm Tân 1	ấp Tân Lộc, xã Lâm Tân (Điểm lẻ)		4.650	4.650	4.650	4.650	

CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025, NGUỒN TỈNH BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH HUYỆN TỪ NGUỒN TĂNG THU NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2020 TỪ KẾT DƯ NĂM 2019 (THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT TỪ NĂM 2017 TRỞ VỀ TRƯỚC)

(Kèm theo Tờ trình số: 450/TTr-UBND ngày 15/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì)

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025		Ghi chú
			Số quyết định, ngày tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	
				Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN			
	Tổng số			601	601	601	601	
1	Nâng cấp sân đường trụ sở UBND thị trấn Phú Lộc và cải tạo trụ sở Ngân hàng Chính sách xã hội cũ	TT Phú Lộc	86/QĐ-UBND, ngày 09/02/2022	601	601	601	601	

CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025, NGUỒN TỈNH BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH HUYỆN TỪ NGUỒN TĂNG THU NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2020

(Kèm theo Tờ trình số: 190/Tờ trình ngày 15/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì)

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025		Ghi chú
			Số quyết định, ngày tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	
				Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN			
	Tổng số			14.640	14.640	14.640	14.640	
1	Đường giao thông đoạn từ cầu kênh 85 đến tỉnh lộ 940, xã Lâm Tân	xã Lâm Tân	08/QĐ-UBND, ngày 26/10/2021	14.640	14.640	14.640	14.640	